TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2019/DS-ST
Ngày: 17-12-2019
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hải Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lưu Thị Tám

2. Bà Tăng Thị Bạch Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên toà: Ông Lâm Thanh Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 276/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2019 về tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 241/2019/QĐXX-ST ngày 25 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Chị Lâm Thị G, sinh năm 1970.

Địa chỉ: ấp A, thị trấn K, huyện Kế, tỉnh S.

2. Bị đơn:

Anh Châu Anh H, sinh năm 1981.

Địa chỉ: ấp A, thị trấn K, huyện Kế, tỉnh S.

3. Người phiên dịch:

Ông Trần Xươnne – Cán bộ hưu trí.

Địa chỉ: ấp A, thị trấn K, huyện Kế, tỉnh S.

(Các đương sự cùng có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/9/2019, các lời khai có trong hồ sơ vụ án của nguyên đơn là chị Lâm Thị G trình bày:

Chị G là người dân tộc Khmer, tuy nhiên, chị nghe và hiểu rõ tiếng Việt, vì vậy chị G không cần người phiên dịch lại.

Trước đây, anh Châu Anh H có vay tiền chị G 02 lần, cụ thể như sau:

+ Ngày 28/12/2018 dương lịch, anh H mượn của chị G 4.500.000 đồng, khi mượn thì không có thỏa thuận lãi, anh H có hứa là vài ngày sẽ trả nhưng đến nay không thực hiện.

+ Ngày 13/7/2018 âm lịch, anh H mượn của chị G 12.000.000 đồng, khi mượn thì không có thỏa thuận lãi, anh H có hứa là vài ngày sẽ trả nhưng không thực hiện.

Cộng chung là 16.500.000 đồng, khi mượn tiền thì anh H có viết biên nhận để làm tin.

Ngoài ra, chị G có mua tre của anh Châu Anh H và vợ anh H là chị Tha (tên thường gọi- tên trong giấy khai sinh là tên gì thì không rõ) số tiền là 150.000 đồng, tuy nhiên chị G đã thanh toán cho vợ chồng anh H, chị Tha xong.

Việc anh Châu Anh H khai có trả cho chị 4.000.000 đồng tiền vốn thì chị G xác định không có, chị G không có nhận của anh H 4.000.000 đồng như lời khai của anh H.

Về việc anh Châu Anh H khai vợ anh là chị Lâm Thị Búp Phà Phuông có vay của chị G 02 lần với số tiền là 5.000.000 đồng thì chị xác định là không có, chị G không có cho chị Phuông hay vợ anh H vay tiền gì.

Chị G vẫn giữ nguyên yêu cầu đòi anh Châu Anh H trả số tiền vốn vay còn nợ của 02 lần vay là 16.500.000 đồng và tại phiên Tòa, chị G không yêu cầu tính lãi nữa.

Theo tờ tường trình ngày 18/11/2019 và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, bị đơn là anh Châu Anh H trình bày:

Anh H thừa nhận ngày 28/12/2018 dương lịch, anh có vay của chị Lâm Thị G số tiền 4.500.000 đồng, khi vay tiền thì có làm Biên nhận do anh viết và ký tên giao cho chị G để làm tin. Sau đó anh H đã trả được 4.000.000 đồng vào ngày 28/02/2019 dương lịch nhưng không có làm biên nhận gì. Còn lại 500.000 đồng thì anh có bán tre cho chị G với số tiền là 150.000 đồng vào ngày 02/3/2019 dương

lịch, tuy nhiên không có làm biên nhận hay hợp đồng gì, như vậy, anh H chỉ còn nợ lại bà G 350.000 đồng.

Ngoài ra, do vợ anh H là chị Lâm Thị Búp Phà Phuông có vay của chị Lâm Thị G nhiều lần, cụ thể như sau:

+ Lần I: chị Phuông vay chị G 2.000.000 đồng.

+ Lần II: chị Phuông vay tiếp 3.000.000 đồng.

Cộng chung là 5.000.000 đồng.

Do chị Phuông không có khả năng đóng lãi nên chị G buộc anh viết biên nhận ngày 13/7/2018 âm lịch với nội dung có mượn 12.000.000 đồng.

Anh Châu Anh H xác định chữ ký và chữ viết trong Biên nhận ngày 28/12/2018 số tiền mượn 4.500.000 đồng và Biên nhận ngày 13/7/2018 số tiền mượn 12.000.000 đồng là do anh viết và ký tên.

Nay anh H có ý kiến như sau:

Anh Châu Anh H đồng ý trả cho chị Lâm Thị G số tiền vốn vay còn nợ của Biên nhận ngày 28/12/2018 là 350.000 đồng và số tiền vốn vay của Biên nhận ngày 13/7/2018 là 5.000.000 đồng, cộng chung là 5.350.000 đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 300.000 đồng đến khi xong và anh H đồng ý chịu tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng phát biểu:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định Bộ luật tố tụng Dân sự. Tư cách của người tham gia tố tụng tuân thủ theo đúng quy định của Điều 68, 70, 71, 72, 234 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Theo các tài liệu thể hiện trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Viện kiểm sát nhận thấy yêu cầu khởi kiện của chị Lâm Thị G là chính đáng. Bởi lẽ, anh Châu Anh H thừa nhận có vay nợ tiền của chị G và cũng xác nhận chữ ký và chữ viết trong các Biên nhận tiền là do anh H viết và ký tên. Cho nên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lâm Thị G

Đối với việc anh Châu Anh H khai đã thanh toán cho chị Lâm Thị G được 4.150.000 đồng (gồm 4.000.000 đồng tiền vay và 150.000 đồng tiền nguyên đơn mua tre), tuy nhiên, do anh H không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh, đồng thời chị Lâm Thị G cũng không thừa nhận nên không có căn cứ để xem xét chấp nhận.

Về án phí, chi phí tố tụng: đề nghị Hội đồng xét xử quyết định theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa, nguyên đơn xin thay đổi một phần yêu cầu về tiền lãi, không đòi bị đơn phải thanh toán thêm tiền lãi mà chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền vốn vay còn nợ là 16.500.000 đồng. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu về tiền lãi của nguyên đơn là có lợi cho bị đơn, không trái với quy định của pháp luật, phù hợp với Điều 244 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về đánh giá chứng cứ: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn thừa nhận: chữ ký và chữ viết trong Biên nhận ngày 28/12/2018 số tiền mượn 4.500.000 đồng và Biên nhận ngày 13/7/2018 số tiền mượn 12.000.000 đồng là do bị đơn viết và ký tên. Xét thấy, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2, Điều 92 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Nguyên đơn không thừa nhận có thiếu tiền mua tre của bị đơn là 150.000 đồng và có nhận của bị đơn 4.000.000 đồng tiền vốn vay. Ngoài ra, nguyên đơn cũng không thừa nhận việc có cho chị Lâm Thị Búp Phà Phuông vay 5.000.000 đồng như lời bị đơn đã khai. Bên cạnh đó, bị đơn thừa nhận, việc mua bán tre và việc vợ bị đơn là chị Lâm Thị Búp Phà Phuông vay 5.000.000 đồng của nguyên đơn thì giữa các bên không có làm biên nhận hay giấy tờ gì.

Tại khoản 1 và khoản 4, Điều 91 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 có quy định: "...Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp....." và "Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc...".

Xét thấy, do nghĩa vụ chứng minh là của bị đơn, đồng thời bị đơn cũng không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của mình, cho nên, Hội đồng xét xử sẽ xem xét, đánh giá các lời khai của bị đơn dựa trên các chứng cứ, lời trình bày có trong hồ sơ vụ án.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền vốn vay còn nợ của "Biên nhận ngày 28/12/2018 số tiền mượn 4.500.000 đồng và Biên nhận ngày 13/7/2018 số tiền mượn 12.000.000 đồng", cộng chung là 16.500.000 đồng. Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chính đáng và có căn cứ pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Bởi lẽ, như đã nhận định trên, bị đơn thừa nhận đã từng có vay mượn nợ của nguyên đơn, cũng thừa nhận chữ ký và chữ viết trong các biên nhận nợ do nguyên đơn cung cấp là do bị đơn viết và ký tên. Mặc khác, tại phiên Tòa, bị đơn cũng xác định, toàn bộ nội dung của

"Biên nhận ngày 28/12/2018 số tiền mượn 4.500.000 đồng và Biên nhận ngày 13/7/2018 số tiền mượn 12.000.000 đồng" là do bị đơn viết và ký tên xác nhận. Như vậy, việc bị đơn cho rằng bị ép buộc khi viết biên nhận nợ là không có căn cứ và vấn đề này nguyên đơn cũng không thừa nhận. Cho nên, Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận lời trình bày của bị đơn, mà đã đủ cơ sở để xác định, bị đơn còn nợ nguyên đơn 16.500.000 đồng tiền vốn vay đến nay chưa trả là đúng sự thật.

Mặc dù, bị đơn khai đã thanh toán cho nguyên đơn được 4.150.000 đồng (gồm 4.000.000 đồng tiền vay và 150.000 đồng tiền nguyên đơn mua tre), tuy nhiên, bị đơn không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh, đồng thời nguyên đơn cũng không thừa nhận nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét.

[4] Về ý kiến của bị đơn về số tiền mua bán tre và tiền vay của chị Lâm Thị Búp Phà Phuông:

Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 18/11/2019, chị Lâm Thị Búp Phà Phuông có ý kiến: "….đối với số tiền mua tre mà bà G còn thiếu là 150.000 đồng, số tiền lãi và các vấn đề khác, nếu có tranh chấp với bà G thì sẽ khởi kiện riêng bằng một vụ án khác…".. Tại phiên Tòa, bị đơn cũng có ý kiến nêu trên. Xét thấy, đây là quyền tự định đoạt của đương sự, không trái đạo đức xã hội và cũng phù hợp với quy định của pháp luật, do các đương sự không có ai có yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử phải đặt ra để giải quyết. Nếu sau này giữa bị đơn và nguyên đơn có tranh chấp thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định.

[5] Về án phí DSST:

Nguyên đơn không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[6] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, khoản 4 Điều 91, khoản 2, Điều 92, Điều 147, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

Căn cứ Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu của chị Lâm Thị G. Buộc anh Châu Anh H chịu trách nhiệm thanh toán cho chị Lâm Thị G **16.500.000 đồng (mười sáu triệu năm trăm ngàn đồng)** tiền vốn vay.

[2] Về án phí, chi phí tố tụng:

Chị Lâm Thị G được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **412.500 đồng (bốn trăm mười hai ngàn năm trăm đồng)** theo biên lai thu số 0000921 ngày 02/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách.

Anh Châu Anh H phải chịu **825.000 đồng (tám trăm hai mươi lăm ngàn đồng)** tiền án phí DSST.

Án xử công khai, chị Lâm Thị G và anh Châu Anh H có mặt tại phiên Tòa và có mặt khi tuyên án.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện không có mặt tại phiên Tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Đối với trường hợp đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện đã tham gia phiên Tòa nhưng vắng mặt khi Tòa án tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày tuyên án.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Lưu HSVA.

(đã ký)

Phạm Hải Duy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hải Duy